

Số: 18/2024/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 13 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 16/5/2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1993

HKTT: Đội 11, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: D Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1991

HKTT: Đội 11, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tòa CT12C KĐT K, K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu **Phạm Đăng K**, sinh năm 13/11/2021. Hiện cháu đang ở với chị H tại: D Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho cháu K là chị **Trần Thị H** và anh **Phạm Ngọc D** là bố, mẹ đẻ cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, thành phố H ngày 16/12/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2019. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, tuy nhiên sau hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không cùng quan điểm sống, suy nghĩ khác biệt khiến cả hai vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn

hạnh phúc. Đỉnh điểm vợ chồng anh ly thân từ tháng 12 năm 2023 do không thể tiếp tục chung sống. Trong thời gian ly thân anh, chị chỉ liên lạc với nhau về chuyện nuôi dưỡng con chung và không hỏi han hay quan tâm tới nhau, vì vậy cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên bế tắc. Gia đình hai bên đều biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay chị H và anh D cùng xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị H và anh D là có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

[2]. Về con chung: Chị H và anh D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 13/11/2021. Hiện cháu đang ở với chị H tại D Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Đăng K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị H và anh D thỏa thuận chị H nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Ngọc D.

1.2 Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 13/11/2021 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi, tự lập được. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị H có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Phạm Ngọc D không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vì quyền lợi của con chung, anh D, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0000420 ngày 16/5/2024 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, (ĐKKH số 83, ngày 16/12/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê